

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2026
Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Trang

Ông Hoàng Văn Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1975. Trú tại: Thôn K (nay là thôn T), xã Đ, tỉnh L. Căn cước công dân số: 020175....., ngày cấp .../.../2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn K, (nay là thôn Tr), xã Đ, tỉnh L. Căn cước công dân số 020072....., cấp ngày/.../2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2026, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2026 Bà Hoàng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị B chung sống với ông Hoàng Văn N từ năm 1992, trước khi chung sống không được tìm hiểu mà do hai bên gia đình giới thiệu, nhưng được sự tự nguyện của cả hai người, có tổ chức lễ cưới theo

phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới bà về chung sống với gia đình ông Hoàng Văn N cuộc sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó ông Hoàng Văn N thường xuyên uống rượu say dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau. Đến năm 2024 bà về bên ngoại ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn N

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 09/02/1993 và Hoàng Sỹ H, sinh ngày 23/5/1995. Hiện nay hai người con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Nợ chung: Không có

Bị đơn ông Hoàng Văn N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2026:

Về hôn nhân: Ông và Bà Hoàng Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên Bà Hoàng Thị B không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi. Thỉnh thoảng Bà Hoàng Thị B có về được vài ngày rồi lại đi nhưng ông không biết bà đi đâu. Năm 2024 mẹ ông mất Bà Hoàng Thị B có về chịu tang, sau khi xong việc bà tiếp tục đi và từ đó đến nay không trở về nhà lần nào. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, Bà Hoàng Thị B xin ly hôn ông cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án ông đã nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do ông không có phương tiện đi lại nên không đến Tòa án được, nay ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 02 người con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 09/02/1993 và Hoàng Sỹ H, sinh ngày 23/5/1995. Hiện nay con lớn là Hoàng Thị Y có gia đình riêng, con thứ hai Hoàng Sỹ H đang ở với ông Hoàng Văn N cháu đã trưởng thành, đi làm và có thu nhập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Về việc Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án: Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Công văn số 1036/UBND-VP ngày 29/6/2026, của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh L cung cấp thông tin xác minh tình trạng hôn nhân: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn và tra cứu trên hệ thống quản lý hộ tịch không có thông tin kết hôn của Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N chung sống với nhau tại Thôn K (nay là thôn T), xã Đ, tỉnh L. Trong quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung là Hoàng Thị Y và con thứ hai Hoàng Sỹ H, hiện nay đã trưởng thành, có sức khỏe và phát triển bình thường.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ. Do quan hệ hôn nhân của Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N không có đăng ký kết hôn, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành tố tụng thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định là Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn Kòn Pù (nay là thôn Trán Ninh), xã Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N có tổ chức lễ cưới từ năm 1992 theo phong tục tập quán tại địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay Bà Hoàng Thị B xin ly hôn, được ông Hoàng Văn N đồng

ý. Hội đồng xét xử thấy, do cuộc hôn nhân của Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn Nhông không có đăng ký kết hôn, không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn Nhông là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N có 02 con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 09/2/1993 và Hoàng Sỹ H, sinh ngày 23/5/1995, hiện nay con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, Hoàng Thị Y có gia đình riêng, Hoàng Sỹ H vẫn ở chung với ông Hoàng Văn N đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn N không yêu cầu giải quyết về tài sản, không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phù hợp với các nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã vùng III đặc biệt khó khăn, thuộc đối tượng được miễn án phí, nhưng không có đơn xin miễn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Bà Hoàng Thị B và ông Hoàng Văn Nhông là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận Bà Hoàng Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0001336 ngày 12/6/2026 tại Thi hành án dân sự, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn.
- UBND xã Đ, tỉnh L

(Nơi ĐKKH).

- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước